

ĐƠN VỊ: SỞ TÀI CHÍNH NINH BÌNH
Chương: 418

CÔNG KHAI DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

Đơn vị: Sở Tài chính Ninh Bình

Mã số ĐVSDNS: 1017495

Mã KBNN nơi giao dịch: 1311 - KBNN khu vực V

Kèm theo Quyết định số: /QĐ-STC ngày /12/2025 của Sở Tài chính)

Đơn vị tính: triệu đồng					
Số TT	Loại	Khoản	Nội dung	Số tiền (sau khi trừ 10% tiết kiệm)	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
			ĐỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (I+II+III + IV)	85,683	
I	340	341	CHI QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH (1+2):	80,456	
1			Chi thường xuyên giao tự chủ	53,431	
2			Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng theo Nghị định số 173/2024/NĐ-CP của Chính phủ	2,321	
3			Chi thường xuyên không giao tự chủ	24,704	
2.1			Sửa chữa thường xuyên:	8,000	
			Sửa chữa bảo dưỡng các hạng mục công trình trụ sở	8,000	
2.2			Mua sắm tài sản:	-	
			Bộ bàn ghế phòng tiếp khách	-	
2.3			Các khoản chi đặc thù:	16,704	
-			Công tác thảo luận, tổng hợp và xây dựng dự toán NSNN trung ương và địa phương	900	
-			Kinh phí duy trì hệ thống thông tin QLNS và KB (Tabmis) trên địa bàn toàn tỉnh	54	
-			Công tác QLTSNN, kiểm tra, tổng hợp, báo cáo kê khai tài sản NN của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn toàn tỉnh; Thực hiện đề án tổng kiểm kê tài sản công và tài sản kết cấu hạ tầng do nhà nước đầu tư quản lý	450	
-			Công tác quyết toán NSNN trên địa bàn toàn tỉnh	810	
-			Tổng hợp báo cáo công tác thực hành tiết kiệm chống lãng phí; công tác phòng chống tham nhũng và các báo cáo chuyên đề (UBND tỉnh giao)	270	
-			Phục vụ các đoàn liên ngành theo chỉ đạo của UBND tỉnh	108	
-			KP thực hiện cải cách hành chính	315	
			Kinh phí duy trì hệ thống ISO 9001:2015	18	
			Kinh phí triển khai nhiệm vụ tài chính kế toán và các chính sách chế độ mới	315	
			Kinh phí Ban đổi mới doanh nghiệp	495	
			Kinh phí hoạt động của Hội đồng thẩm định giá đất	3,150	
			Kinh phí hoạt động thẩm định giá	540	
			Kinh phí tuyên truyền về thành tựu, định hướng về phát triển kinh tế xã hội; thu hút đầu tư...	180	
			Kinh phí phục vụ công tác tổng hợp, phân tích, dự báo giá thị trường	40	
			Kinh phí phục vụ Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự	319	
			Kinh phí tập huấn về quản lý tài sản công và quản lý về giá	360	
			Kinh phí chỉnh lý tài liệu	270	
			Xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội tỉnh	1,440	
			Quản lý doanh nghiệp	900	
			Công tác đánh giá đầu tư	1,350	
			Kinh phí hoạt động của Ban xúc tiến đầu tư	495	
			Kinh phí phục vụ công tác cấp đăng ký kinh doanh	513	
			Đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ngành và địa phương	1,287	
			Tổ chức gặp mặt doanh nghiệp, doanh nhân	945	
			Kinh phí phục vụ công tác đấu thầu	720	
			Trang phục dân quân tự vệ	10	
			Kinh phí phục vụ công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật	450	
II			SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ (Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ)	20	
1	070	098	Kinh phí phổ biến giáo dục pháp luật	20	
III			SỰ NGHIỆP KINH TẾ (Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ)	2,800	
1	280	322	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ về phát triển du lịch	300	
2	280	338	Kinh phí hoạt động xúc tiến đầu tư	2,500	
IV			SỰ NGHIỆP KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ (Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ)	2,407	
	100	103	Kinh phí duy trì, nâng cấp, quản lý, vận hành phần mềm trao đổi DL liên thông giữa các đơn vị trong tỉnh với BTC phục vụ công tác cập nhật CSDL giá	1,498	
-	100	103	Kinh phí thực hiện ứng dụng Công nghệ thông tin, đảm bảo an ninh mạng ngành tài chính	585	
	100	103	Duy trì phần mềm quản lý tài sản	9	
	100	103	Kinh phí phục vụ công tác thẩm định, trình duyệt các nhiệm vụ ứng dụng CNTT, XD chính quyền điện tử, chuyển đổi số theo NQ 01-NQ/TU	315	